

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *113* /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày *24* tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 79-NQ/TU ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức và cán bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 364/TTr-SNV ngày 22/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại 124 đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau:

- Đơn vị hành chính cấp xã loại I: **20** đơn vị (14 xã và 06 phường).
- Đơn vị hành chính cấp xã loại II: **85** đơn vị (84 xã và 01 phường).
- Đơn vị hành chính cấp xã loại III: **19** đơn vị (19 xã).

(Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

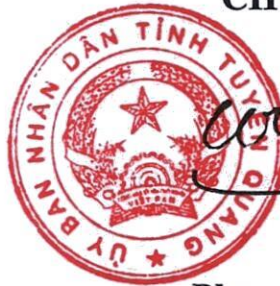
Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã có biến động lớn về các yếu tố liên quan đến việc xác định tiêu chí phân loại đơn vị hành chính, mà cần thiết phải phân loại lại thì Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định, đề xuất) xem xét, quyết định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Như khoản 2, Điều 3 (thực hiện);
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; cơ quan, đơn vị thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.



CHỦ TỊCH

Phan Huy Ngọc

Phụ lục
PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH XÃ, PHƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG
(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Xã, phường	Phân loại đơn vị hành chính		
		Loại I	Loại II	Loại III
1.	Xã Bắc Quang	x		
2.	Xã Hàm Yên	x		
3.	Xã Sơn Dương	x		
4.	Xã Yên Sơn	x		
5.	Xã Đồng Văn	x		
6.	Xã Nà Hang	x		
7.	Xã Chiêm Hoá	x		
8.	Xã Sơn Thủy	x		
9.	Xã Yên Minh	x		
10.	Xã Linh Hồ	x		
11.	Xã Sơn Vĩ	x		
12.	Xã Lâm Bình	x		
13.	Xã Mậu Duệ	x		
14.	Xã Minh Quang	x		
15.	Phường Minh Xuân	x		
16.	Phường Hà Giang 2	x		
17.	Phường An Tường	x		



[Handwritten signature]

Số TT	Xã, phường	Phân loại đơn vị hành chính		
		Loại I	Loại II	Loại III
18.	Phường Mỹ Lâm	x		
19.	Phường Hà Giang 1	x		
20.	Phường Bình Thuận	x		
21.	Xã Xín Mần		x	
22.	Xã Yên Phú		x	
23.	Xã Phú Lương		x	
24.	Xã Khâu Vai		x	
25.	Xã Hồng Thái		x	
26.	Xã Hùng Lợi		x	
27.	Xã Tùng Vài		x	
28.	Xã Bạch Ngọc		x	
29.	Xã Thượng Lâm		x	
30.	Xã Mèo Vạc		x	
31.	Xã Bằng Hành		x	
32.	Xã Yên Nguyên		x	
33.	Xã Tân Mỹ		x	
34.	Xã Tri Phú		x	
35.	Xã Du Già		x	
36.	Xã Tân Thanh		x	
37.	Xã Bắc Mê		x	
38.	Xã Hùng An		x	
39.	Xã Phù Lưu		x	
40.	Xã Tân Quang		x	

Số TT	Xã, phường	Phân loại đơn vị hành chính		
		Loại I	Loại II	Loại III
41.	Xã Lũng Cú		x	
42.	Xã Liên Hiệp		x	
43.	Xã Côn Lôn		x	
44.	Xã Bình Xa		x	
45.	Xã Tân Trào		x	
46.	Xã Quản Bạ		x	
47.	Xã Đồng Tâm		x	
48.	Xã Kiên Đài		x	
49.	Xã Bình Ca		x	
50.	Xã Đường Hồng		x	
51.	Xã Sà Phìn		x	
52.	Xã Thanh Thủy		x	
53.	Xã Đồng Yên		x	
54.	Xã Yên Hoa		x	
55.	Xã Nhữ Khê		x	
56.	Xã Phố Bàng		x	
57.	Xã Bạch Xa		x	
58.	Xã Trung Sơn		x	
59.	Xã Minh Sơn		x	
60.	Xã Vị Xuyên		x	
61.	Xã Kim Bình		x	
62.	Xã Minh Thanh		x	
63.	Xã Bạch Đích		x	



A handwritten signature in black ink is located at the bottom right corner of the page.

Số TT	Xã, phường	Phân loại đơn vị hành chính		
		Loại I	Loại II	Loại III
64.	Xã Minh Ngọc		x	
65.	Xã Thắng Mố		x	
66.	Xã Minh Tân		x	
67.	Xã Tân Trịnh		x	
68.	Xã Bản Máy		x	
69.	Xã Bình An		x	
70.	Xã Đường Thượng		x	
71.	Xã Yên Cường		x	
72.	Xã Pà Vầy Sủ		x	
73.	Xã Xuân Vân		x	
74.	Xã Tân An		x	
75.	Xã Đông Thọ		x	
76.	Xã Lũng Tám		x	
77.	Xã Quang Bình		x	
78.	Xã Bằng Lang		x	
79.	Xã Yên Lập		x	
80.	Xã Thái Sơn		x	
81.	Xã Lũng Phìn		x	
82.	Xã Cán Tỷ		x	
83.	Xã Tiên Yên		x	
84.	Xã Khuôn Lũng		x	
85.	Xã Thái Hoà		x	
86.	Xã Thái Bình		x	

Số TT	Xã, phường	Phân loại đơn vị hành chính		
		Loại I	Loại II	Loại III
87.	Xã Nghĩa Thuận		x	
88.	Xã Tùng Bá		x	
89.	Xã Thượng Sơn		x	
90.	Xã Hoàng Su Phì		x	
91.	Xã Niêm Sơn		x	
92.	Xã Phú Linh		x	
93.	Xã Hồ Thầu		x	
94.	Xã Thàng Tín		x	
95.	Xã Tân Tiến		x	
96.	Xã Năm Dẩn		x	
97.	Xã Hoà An		x	
98.	Xã Hồng Sơn		x	
99.	Xã Sủng Máng		x	
100.	Xã Tát Ngà		x	
101.	Xã Vĩnh Tuy		x	
102.	Xã Tân Long		x	
103.	Xã Kiến Thiết		x	
104.	Xã Lao Chải		x	
105.	Phường Nông Tiến		x	
106.	Xã Ngọc Long			x
107.	Xã Thuận Hòa			x
108.	Xã Trung Thịnh			x
109.	Xã Quảng Nguyên			x

Số TT	Xã, phường	Phân loại đơn vị hành chính		
		Loại I	Loại II	Loại III
110.	Xã Trung Hà			x
111.	Xã Ngọc Đường			x
112.	Xã Nậm Dịch			x
113.	Xã Thượng Nông			x
114.	Xã Lục Hành			x
115.	Xã Giáp Trung			x
116.	Xã Xuân Giang			x
117.	Xã Thông Nguyên			x
118.	Xã Việt Lâm			x
119.	Xã Trường Sinh			x
120.	Xã Cao Bồ			x
121.	Xã Hùng Đức			x
122.	Xã Tiên Nguyên			x
123.	Xã Yên Thành			x
124.	Xã Pờ Ly Ngải			x